

Số: 33 /2025/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 13 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Biên bản số 122/BB-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về họp Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 4/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2556/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 5 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất vào mục đích khác

1. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch lâm nghiệp đã được phê duyệt và công bố; Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 và khoản 3 Điều 116 của Luật Đất đai năm 2024.

2. Có quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ trường hợp không phải thực hiện thủ tục quyết định đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 116 của Luật Đất đai năm 2024.

3. Có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về trồng trọt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Trồng trọt năm 2018 và Điều 10 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2025.

2. Trường hợp đã có văn bản chấp thuận của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận danh mục dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác từ trước ngày của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai có hiệu lực thi hành thì không áp dụng tiêu chí, điều kiện quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thi hành Quyết định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng; sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn và quy hoạch lâm nghiệp đã được phê duyệt và công bố.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTrVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

(Thanh)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến